

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo nhu cầu thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ của các ngành, đơn vị, địa phương để triển khai các công trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; kết quả kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp luật để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi

bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh Danh mục các dự án Nhà ở thương mại, khu đô thị thuộc Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 tỉnh Quảng Bình tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 12/01/2023,

Căn cứ Quyết định 299a/QĐ-UBND ngày 05 tháng 2 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024 tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt: huyện Bố Trạch tại Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/3/2023; huyện Quảng Trạch tại Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023; huyện Quảng Ninh tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 và thị xã Ba Đồn tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023.

Căn cứ Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc Thông qua danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất đến tháng 3 năm 2024.

2.1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt:

Tổng chỉ tiêu đã được phê duyệt trên toàn tỉnh là 3.991,11 ha, trong đó:

- Chỉ tiêu đất trồng lúa được phép chuyển mục đích là 3.489,03 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ được phép chuyển mục đích là 500,05 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng đặc dụng được phép chuyển mục đích là 2,03 ha.

2.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đến tháng 3 năm 2024

a. Kết quả đạt được

- Diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích là 43,30 ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ đã chuyển mục đích là 1,58 ha.

(Cụ thể có Biểu tổng hợp kèm theo)

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hàng năm, chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ do các ngành, đơn vị, địa phương đăng ký chuyển mục đích khá lớn, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện đạt thấp. Nguyên nhân chủ yếu do phải thực hiện nhiều thủ tục liên quan để triển khai dự án đầu tư như: lập, phê duyệt dự án đầu tư; bố trí nguồn vốn đầu tư; lập quy hoạch chi tiết; lập, phê duyệt dự toán thiết kế kỹ thuật; phòng cháy chữa cháy; xin giấy phép xây dựng; các thủ tục về giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng rừng... nên dự án không thực hiện hoàn thành trong một năm mà có nhiều dự án kéo dài nhiều năm mới hoàn thành thủ tục pháp lý triển khai dự án đầu tư. ✓

3. Đề xuất danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, đơn vị, địa phương và kết quả rà soát đảm bảo sự phù hợp của việc sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và các quy định của pháp luật; có công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhưng sau khi khảo sát thực địa và tiến hành đo đạc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất thì diện tích các loại đất cần thu hồi và địa điểm thực hiện dự án có sai khác, do đó cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Để thực hiện thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

1. Bổ sung mới 10 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (trong đó có 02 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013). Tổng diện tích sử dụng đất 429,48 ha, trong đó: 22,80 ha đất trồng lúa; 406,68 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

2. Bổ sung mới 02 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013. Tổng diện tích sử dụng đất 1,41 ha, trong đó: 1,30 ha đất trồng lúa và 0,11 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013, cụ thể:

- Trước điều chỉnh: Diện tích 60,0 ha các loại đất khác. Vị trí thực hiện dự án tại phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn.

- Sau điều chỉnh: Diện tích 58,28 ha (bao gồm: 5,87 ha đất trồng lúa và 52,41 ha các loại đất khác). Vị trí thực hiện dự án tại phường Quảng Phúc và phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn.

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 484/TTr-UBND ngày 20/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT và NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở TN và MT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục 1

BỘ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số:

/TT-UBND ngày

tháng

năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính.

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA								
I	Huyện Quảng Ninh			7,24	1,77		5,47	
1	Mở rộng cầu Quán Hâu và đường đầu cầu tại thị trấn Quán Hâu và xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh	Võ Ninh, thị trấn Quán Hâu	Quảng Ninh	5,01	0,04		4,97	Quyết định số 1655/QĐ-BGTVT ngày 18/12/2023 của Bộ Giao thông tải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng mở cầu, hầm trên Quốc lộ 1 (các Cầu Xương Giang, Gianh, Quán Hâu và 1 Đèo Ngang)
2	Hà tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư thôn Tây, xã Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	2,23	1,73		0,50	Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 11/08/2022 của UBND huyện Quách Ninh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT								
I	Huyện Quảng Trạch			42,49	21,03		21,46	
1	Giải phóng mặt bằng và san lấp Khu Công nghiệp Cảng biển Hòn La mở rộng (thảm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ)	Quảng Đông	Quảng Trạch	42,49	21,03		21,46	Thông báo số 1156-TB/TTU ngày 14/3/2024 của Thường trực Tỉnh ủy Quảng Bình về chủ trương thực hiện dự án Giải phóng mặt bằng và san lấp 1 Công nghiệp Cảng biển Hòn La mở rộng
II	Huyện Quảng Ninh			371,32			371,32	
2	Khu dân cư nông thôn mới Nhật Lệ	Hải Ninh	Quảng Ninh	285,58			285,58	Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Danh mục các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị thuộc Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình; Thông báo Kết luận số 113/TB-VPUBND ngày 09/01/2024 của đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Quảng Bình.

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
3	Khu dân cư nông thôn mới Hải Ninh, huyện Quảng Ninh	Hải Ninh	Quảng Ninh	11,98			11,98	Công văn số 428/VPUBND-TH ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh về việc nghiên cứu, triển khai các thủ tục đầu tư dự án Khu dân cư nông thôn mới Hải Ninh, huyện Quảng Ninh; Quyết định số 299a/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024 tỉnh Quảng Bình.
4	Khu dân cư nông thôn mới Tân Hải	Hải Ninh	Quảng Ninh	27,99			27,99	Công văn số 569/VPUBND-TH ngày 02/2/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 299a/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024 tỉnh Quảng Bình.
5	Khu dân cư nông thôn mới Biển Ngọc	Hải Ninh	Quảng Ninh	45,12			45,12	Công văn số 570/VPUBND-TH ngày 02/2/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 299a/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024 tỉnh Quảng Bình.
6	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ trong khu dân cư để đầu giá quyền sử dụng đất ở tại xã Võ Ninh (Đợt 1)	Võ Ninh	Quảng Ninh	0,50			0,50	Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án;
7	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ trong khu dân cư để đầu giá quyền sử dụng đất ở tại xã Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	0,15			0,15	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư dự án;
III	Thị xã Ba Đồn, huyện Bố Trạch			8,43			8,43	
8	Xây dựng Cầu Gianh và đường đầu cầu thuộc Dự án nâng cấp, mở rộng một số cầu, hầm trên Quốc lộ 1	Quảng Thuận, Hạ Trạch	Ba Đồn, Bố Trạch	8,43			8,43	Quyết định số 1655/QĐ-BGTVT ngày 18/12/2023 của Bộ giao thông V tải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng một cầu, hầm trên Quốc lộ 1 (các Cầu Xương Giang, Gianh, Quán Hậu và hí Đèo Ngang)
Tổng				429,48	22,80		406,68	

Ghi chú: 10 công trình, dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Phụ lục 2

BỘ SƯNG DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
(không thuộc trường hợp thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013)

(Kèm theo Tờ trình số:

/TTT-UBND ngày

tháng

năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
I	Huyện Quảng Ninh			1,41	1,30		0,11	
1	Khu thương mại dịch vụ và vui chơi giải trí Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0,90	0,83		0,07	Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
2	Cơ sở thu mua nông sản và cung cấp vật tư nông nghiệp	An Ninh	Quảng Ninh	0,51	0,47		0,04	Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án
Tổng cộng: 02 dự án				1,41	1,30		0,11	

Ghi chú: 02 dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số:

TTT-UBND ngày

tháng

năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác	
I	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Đã phê duyệt		60,00			60,00	
		Nay điều chỉnh		58,28	5,87		52,41	
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Bắc sông Gianh, phường Quảng Phúc	Đã phê duyệt		60,00			60,00	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, Quyết định số 4895/QĐ-BNN-TS ngày 16/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Bắc sông Gianh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh		58,28	5,87		52,41	
Tổng cộng: 01 dự án		Đã phê duyệt		60,00			60,00	
		Nay điều chỉnh		58,28	5,87		52,41	

Ghi chú: Công trình điều chỉnh không có diện tích đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng ✓

BẢNG 01 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Tờ trình số: **517/TT-UBND** ngày **27** tháng **5** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)										Đất rừng phòng hộ (ha)										Đất rừng đặc dụng (ha)		Chi chủ gian, thăm quyển, trích yếu văn bản)
		Trong đó										Trong đó										Toàn tỉnh	Huyện Lê Thủy	
		Toàn tỉnh	Huyện Lê Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hòa	Huyện Minh Hóa	Toàn tỉnh	Huyện Lê Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hòa	Huyện Minh Hóa					
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	3.489,03	542,40	356,96	506,40	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03	0		
1.1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh																							
1.2	Chỉ tiêu điều chỉnh đã được thay đổi địa điểm và số lượng dự án trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt																							
1.3	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 cấp huyện	3.489,03	542,40	356,96	506,4	1.021,50	533,11	389,19	82,06	57,41	500,05	161,59	24,04	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03			
2	Kết quả thực hiện	43,30	8,07	15,18	4,94	4,00	4,59	6,52	-	57,41	1,58	-	1,58	-	-	-	-	-	-	0				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư										1,58		1,58											
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	43,30	8,07	15,18	4,94	4,00	4,59	6,52	-	57,41	-	-	1,58	-	-	-	-	-	-					
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện																							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	3.445,73	534,33	341,78	501,46	1.017,50	528,52	382,67	82,06	57,41	498,47	161,59	22,46	52,77	24,03	97,00	22,14	41,78	76,70	2,03	2,03			

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c); **TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG LỤA, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**
(Kèm theo Tờ trình số: **517** /TT-UBND) ngày **27** tháng **3** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Loại mục	Đất trồng lúa (ha)						Đất rừng phòng hộ (ha)		Đất rừng đặc dụng (ha)		Ghi chú (Chi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thành phố		Trong đó				Toàn thành phố		Toàn thành phố		
		Phường Bắc Nghĩa	Xã Lộc Ninh	Phường Bắc Lý	Xã Đức Ninh	Phường Đồng Phú	Các xã, phường còn lại	Phường Bắc Lý	Xã Đức Ninh	Phường Đồng Phú	Các xã, phường còn lại	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	506,40	64,91	65,30	78,88	58,32	152,88	52,77	0	0	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đồng Hới	
2	Kết quả thực hiện	4,94	2,23	0,08	2,39	0,22	-	0	0	0		
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư											
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư											
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất											
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	4,94	2,23	0,08	2,39	0,22	0				<ul style="list-style-type: none"> Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới (Đợt 1); Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và cho Tổng Công ty điện lực Miền Trung thuê đất để thực hiện dự án Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110KV từ TBA 220KV Đồng Hới- TBA 110KV Đồi Hới tại phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới. Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 16/06/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho UBND TP Đồng Hới để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư TDP 9 tại phường Bắc Lý, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Đợt 2); Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 16/06/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho UBND TP Đồng Hới để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở khu vực Đồng Bình Bón tại xã Đức Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (Đợt 2); Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh về Giao đất thực hiện Dự án tạo quỹ đất Khu dân cư phía Đồi Nam đường Cao Thăng (Đợt 1) Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND tỉnh về Giao đất xây dựng Trâu số làm việc của Công an phường Đồng Phú tại TDP 3 (Đợt 1) 	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại											
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện											
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4-1-2+3)	501,46	62,68	65,22	76,49	152,88						

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)										Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng phòng hộ (ha)	Diện tích đất rừng (ha)	
		Trong đó													
		Toàn huyện	Xã Vĩnh Ninh	Xã Lương Vạn Ninh	Xã Vạn Ninh	Xã Duy Ninh	Xã Tân Ninh	Xã Hiến Ninh	Xã An Ninh	thị trấn Quán Hâu	Các xã còn lại				Toàn huyện
1	Chi tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	356,96	22,16	89,33	6,18	8,84	33,43	23,23	20,90	19,43	133,46	24,04	2,00	22,04	Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Ninh
2	Kết quả thực hiện	15,18	0,96	7,10	2,33	0,90	0,15	0,11	0,28	3,35	1,58	1,58			
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư														
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư														
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất														
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	15,18	0,96	7,10	2,33	0,90	0,15	0,11	0,28	3,35	24,04	1,58	22,46	<ul style="list-style-type: none"> • Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Kỹ thuật tạo quỹ đất tại xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh (Đợt 1); • Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và cho Công ty xăng dầu Quảng Bình thuê đất để thực hiện dự án đầu tư mở rộng cửa hàng xăng dầu Lương Ninh tại xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh; • Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 23/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho TTCT phát triển thành hình thức hiện D.A năng cấp, di dời cơ sở vật chất, hạ tầng và thiết bị phát sóng, phủ thành tại địa phương, phát triển thành Đông Hồ tại xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh; • Quyết định 794/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Mọc Sạch, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh; • Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho UBND xã Duy Ninh quản lý tại xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh; • Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho Công ty TNHH Xây dựng Minh Hà để thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại tại vùng Ruộng Nhì, thị trấn Quán Hâu, huyện Quảng Ninh (Đợt 1); • Quyết định 2126/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh quản lý để thực hiện Công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Hốnh Vinh tại xã An Ninh, huyện Quảng Ninh; • Quyết định 2473/QĐ-UBND ngày 03/9/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất thực hiện Dự án nâng cấp đường cơ sở vật chất hạ tầng và thiết bị phát sóng, phát triển Đông Hồ; Quyết định 2971/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh về việc giao đất xây dựng Khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi Nh. máy xi măng Ang Sen (Đợt 1); 	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại														
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện														
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	341,78	21,20	82,23	3,85	7,94	33,28	23,12	20,62	16,08	133,46	22,46	0,42	22,04	

Chị chị
(Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN BỐ TRẠCH II, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 617/TT-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)										Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	
		Toàn huyện	Trong đó								TT Phong Nha				Toàn huyện
			Xã Hạ Trạch	Xã Đại Trạch	Xã Liên Trạch	Xã Cư Năm	Xã Hải Phú	Xã Tây Trạch	Các xã còn lại	Toàn huyện					
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	1.021,50	59,86	72,59	13,38	249,97	27,00	13,59	94,59	490,52	24,03		Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bố Trạch		
2	Kết quả thực hiện	4,00	0,20	0,32	1,41	0,73	0,39	0,48	0,47						
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư														
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư														
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất														
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	4,00	0,20	0,32	1,41	0,73	0,39	0,48	0,47				<ul style="list-style-type: none"> * Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDD để đầu tư cho thuê quyền sử dụng đất thực hiện Dự án cửa hàng xăng dầu Hạ Trạch tại xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch * Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND tỉnh về chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Thanh Phương thuê đất để thực hiện dự án Trung tâm phân phối vật liệu xây dựng Miền Trung tại xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình * Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Công trình Khu tái định cư thôn Phú Hữu, thôn Tân Hội, xã Liên Trạch tại xã Liên Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình * Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh thu hồi đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Công trình Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cư Năm tại xã Cư Năm, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình * Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 13/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Dự án Tọa quỹ đất ở khu vực thôn Quý Thuận tại xã Hải Phú, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (Đợt 1) * Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Công trình: Khu tái định cư khu vực thôn Đông Năm, xã Cư Năm. * Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 30/1/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch quản lý để thực hiện Công trình Khu tái định cư khu vực thôn Mít xã Tây Trạch * Quyết định số 3909/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND thị trấn Phong Nha quản lý để thực hiện công trình Tọa quỹ đất ở Tô dân phố Cù Lạc 1 tại thị trấn Phong Nha 		
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại														
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện														
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1.017,50	59,66	72,27	11,97	249,24	26,61	13,11	94,12	490,52	24,03				

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MINH HÒA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 517/TT-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa	Đất rừng	Đất rừng đặc	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		(ha) Toàn huyện	phòng hộ (ha) Toàn huyện	dùng (ha) Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023	57,41	76,70		Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Minh Hóa
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	57,41	76,70		

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **517** /TTT-UBND ngày **27** tháng **3** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hệ thống mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thị xã	Phường Quảng Phong	Trong đó				
				xã Quảng Hoà	Các xã, phường còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	533,11	52,60	36,98	443,53	97,00	Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ba Đồn	
2	Kết quả thực hiện	4,59	2,87					
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	4,59	2,87	1,72			<ul style="list-style-type: none"> * Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình và CMD SDD và cho Công ty TNHH Tiên Phong thuê đất để thực hiện dự án Đầu tư trung tâm Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Tiên Phong tại phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn. * Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh và Giao đất thực hiện hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm xã Quảng Hòa, thị xã Ba Đồn tại thôn Thanh Tân * Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh và Thuê đất xây dựng Dự án Bến xe phía Tây kết hợp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Ba Đồn 	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	528,52	49,73		443,53	97,00		

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)						Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Chi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Trong đó					Toàn huyện			
		Toàn huyện	Xã Quảng Phú	Xã Quảng Đông	Xã Quảng Phương	Xã Quảng Lưu				
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	389,19	73,12	77,06	77,38	13,62	148,01	22,14	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Trạch	
2	Kết quả thực hiện	6,52	2,56	2,42	0,55	0,99				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất									
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	6,52	2,56	2,42	0,55	0,99			<ul style="list-style-type: none"> * Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDE giao đất cho UBND xã Quảng Phú quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu quy hoạch dân cư thôn Nam Lĩnh, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch. * Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về CMD SDE giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu ở tại thôn Đông Hưng, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch. * Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh về Thuê đất xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Hòn La thuộc Khu Kinh tế Hòn La tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch * Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh về Thuê đất xây dựng cơ trình đường dây 500 kV Quảng Trạch - Vũng Áng và Sân phân phối Trung tâm Điện lực Quỳ Trạch, đơn vị quản lý vận hành Quảng Đông, huyện Quảng Trạch * Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch để thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1) * Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 Về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch để thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại Đông Cho, thôn Tam Đa, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch 	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại									
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện									
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	382,67	70,56	74,64	76,83	12,63	148,01	22,14		

BIÊN LƯU (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỌNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 517 /TTT-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)		Đất rừng phòng hộ (ha)		Đất rừng đặc dụng (ha)		Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện		Toàn huyện		Toàn huyện		
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	82,06		41,78				Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tuyên Hóa
2	Kết quả thực hiện							
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	82,06		41,78				

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỜNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN LÊ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 517/TT-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)						Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú
		Trong đó								
		Toàn huyện	Xã Xuân Thủy	Xã Phú Thủy	TT NT Lê Ninh	TT Kiên Giang	Các xã, thị trấn còn lại			
1	Chi tiêu đã được phê duyệt theo điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	542,40	39,77	30,77	23,71	86,81	361,34	161,59	2,03	Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lê Thủy
2	Kết quả thực hiện	8,07	0,45	1,57	3,92	2,13				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất									
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	8,07	0,45	1,57	3,92	2,13				<ul style="list-style-type: none"> * Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình CMDSDD và giao đất cho UBND xã Xuân Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Thủy, huyện Lê Thủy. * Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư dự án thuê thực hiện dự án Cửa hàng xăng dầu Lê Ninh tại TT Nông trường Lê Ninh, huyện Lê Thủy. * Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư dự án thuê thực hiện Dự án trạm kinh doanh xăng dầu kết hợp dịch vụ tổng hợp Lê Ninh tại thị trấn Nông trường Ninh, huyện Lê Thủy. * Quyết định 294/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất cho Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng tổng hợp Xuân Giang thuê đất để thực hiện án Khu kinh doanh vật liệu xây dựng - cà phê giải khát Xuân Giang tại thị trấn Kiên Giang, huyện Lê Thủy * Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Lê Thủy để thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư thị trấn Nông trường Lê Ninh * Quyết định 245/QĐ-UBND ngày 01/2/2024 và việc chuyển mục đích sử dụng đất giao đất cho UBND huyện Lê Thủy để thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật K tái định cư xã Phú Thủy * Quyết định 175/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 về việc chuyển mục đích sử dụng đất giao đất cho UBND huyện Lê Thủy thực hiện Dự án Xây dựng Trung tâm thể dục thao huyện Lê Thủy
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại									
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện									
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	534,33	39,32	29,20	19,79	84,68	361,34	161,59	2,03	

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

1. Bổ sung mới 10 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 (trong đó có 2 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013). Tổng

diện tích sử dụng đất 429,48 ha, trong đó: 22,80 ha đất trồng lúa; 406,68 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

2. Bổ sung mới 02 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013. Tổng diện tích sử dụng đất 1,41 ha, trong đó: 1,30 ha đất trồng lúa và 0,11 ha các loại đất khác.

(Có phụ lục số 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013, cụ thể:

- Trước điều chỉnh: Diện tích 60,0 ha các loại đất khác.

Vị trí thực hiện dự án tại phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn.

- Sau điều chỉnh: Diện tích 58,28 ha (bao gồm: 5,87 ha đất trồng lúa và 52,41ha các loại đất khác.

Vị trí thực hiện dự án tại phường Quảng Phúc và phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn.

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu

Phụ lục 1

BỘ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số:

/NQ-HĐND ngày

tháng

năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA							
I	Huyện Quảng Ninh			7,24	1,77		5,47
1	Mở rộng cầu Quán Hàu và đường đầu cầu tại thị trấn Quán Hàu và xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh	Võ Ninh, TT Quán Hàu	Quảng Ninh	5,01	0,04		4,97
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư thôn Tây, xã Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	2,23	1,73		0,50
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT							
I	Huyện Quảng Trạch			422,24	21,03		401,21
1	Giải phóng mặt bằng và san lấp Khu Công nghiệp Cảng biển Hòn La mở rộng (thảm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ)	Quảng Đông	Quảng Trạch	42,49	21,03		21,46
II	Huyện Quảng Ninh			371,32			371,32
2	Khu dân cư nông thôn mới Nhật Lệ	Hải Ninh	Quảng Ninh	285,58			285,58
3	Khu dân cư nông thôn mới Hải Ninh, huyện Quảng Ninh	Hải Ninh	Quảng Ninh	11,98			11,98
4	Khu dân cư nông thôn mới Tân Hải	Hải Ninh	Quảng Ninh	27,99			27,99

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí trong diện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
5	Khu dân cư nông thôn mới Biển Ngọc	Hải Ninh	Quảng Ninh	45,12			45,12
6	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ trong khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xã Võ Ninh (Đợt 1)	Võ Ninh	Quảng Ninh	0,50			0,50
7	Tạo quỹ đất lẻ xen kẽ trong khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xã Võ Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	0,15			0,15
III	Thị xã Ba Đồn, huyện Bố Trạch			8,43			8,43
8	Xây dựng Cầu Gianh và đường đầu cầu thuộc Dự án nâng cấp, mở rộng một số cầu, hầm trên Quốc lộ 1	Quảng Thuận, Hạ Trạch	Ba Đồn, Bố Trạch	8,43			8,43
Tổng				429,48	22,80		406,68

Ghi chú: 10 công trình, dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Phụ lục 2

BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
(không thuộc trường hợp thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013)

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
1	Huyện Quảng Ninh			1,41	1,30		0,11
1	Khu thương mại dịch vụ và vui chơi giải trí Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0,90	0,83		0,07
2	Cơ sở thu mua nông sản và cung cấp vật tư nông nghiệp	An Ninh	Quảng Ninh	0,51	0,47		0,04
Tổng cộng: 02 dự án				1,41	1,30		0,11

Ghi chú: 02 dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số:

/NQ-HĐND ngày

tháng

năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Các loại đất khác
I	Điều chỉnh 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Đã phê duyệt		60,00			60,00
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Bắc sông Gianh, phường Quảng Phúc	Nay điều chỉnh	Ba Đồn	58,28	5,87		52,41
		Đã phê duyệt		60,00			60,00
	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Bắc sông Gianh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Nay điều chỉnh	Ba Đồn	58,28	5,87		52,41
		Đã phê duyệt		60,00			60,00
Tổng cộng: 01 dự án		Nay điều chỉnh		58,28	5,87		52,41

Ghi chú: Công trình điều chỉnh không có diện tích đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng